TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2020/HC-PT
Ngày: 16/7/2020
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 223/2020/TLPT-HC ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4802/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị T; địa chỉ: Thôn MT, xã CM, huyện BX, tỉnh Lào Cai; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Thị D – Văn phòng luật sư Diệu Song thuộc Đoàn luật sư thành phố HN; có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Khối II, đại lộ THĐ, phường NC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân Tr – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai: Ông Bùi Quang H – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện BX, tỉnh Lào Cai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BX, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Thị trấn BX, huyện BX, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang B - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BX, tỉnh Lào Cai; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện BX, tỉnh Lào Cai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BX, tỉnh Lào Cai: Luật sư Bùi Xuân D1 – Văn phòng luật sư Quốc Uy thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Tổng công ty khoáng sản TKV; địa chỉ: Số 193, đường NHT, phường TX, quận TX, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T1 - Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình H1 – Phó Giám đốc Tổng công ty khoáng sản TKV; có mặt.

- Ông Lê Văn B1; có mặt;

- Ông Lê Văn C; vắng mặt;

- Bà Trần Thị N; vắng mặt;

- Bà Đỗ Thị Th; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn MT, xã CM, huyện BX, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện bà Trần Thị T trình bày yêu cầu khởi kiện:

Hộ bà Trần Thị T có khai hoang khoảng 03 ha đất tại thôn MT, xã CM, huyện BX, tỉnh Lào Cai và sử dụng ổn định từ năm 1985 cho đến trước khi bị thu hồi. Thực hiện dự án mỏ đồng SQ, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện BX đã thống kê, bồi thường đối với hộ bà T 02 lần nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất, cụ thể như sau:

Lần 1 năm 2008: Thu hồi đất thổ cư 400m²; đất ruộng 862m²; đất vườn tạp 500m²; đất lâm nghiệp 4.143m². Theo Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 19/8/2008 của UBND huyện BX phê duyệt kinh phí đền bù, hộ bà T được bồi thường, hỗ trợ số tiền 118.195.400đ, trong đó được áp dụng chính sách hỗ trợ đối

với hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi 100%. Đối với các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ năm 2008 bà T nhất trí, không có ý kiến gì.

Lần 2 năm 2009: Thu hồi đất nương rẫy 4.005m² (sau đó điều chỉnh bổ sung thêm 05m²). Theo Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 24/01/2009 của UBND huyện BX phê duyệt kinh phí đền bù hộ bà T được bồi thường số tiền 43.300.000đ. Nhưng không được hưởng các chính sách hỗ trợ đối với hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi trên 30%, bà cho rằng UBND huyện BX không phê duyệt khoản tiền này đối với gia đình là thiếu.

Tại Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện BX sửa đổi, bổ sung Quyết định 3098 đã bổ sung chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp đối với hộ bà T gồm: Bổ sung tiền hỗ trợ ổn định đời sống, tiền hỗ trợ đào tạo nghề cho 02 nhân khẩu, tiền trả chậm tổng cộng là 16.436.000đ.

Đến ngày 21/7/2017, bà T khiếu nại toàn bộ Quyết định 2093 với lý do: Việc UBND huyện BX thực hiện bồi thường chậm không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2014/NĐ-CP ngày 03/12/2014 của Chính phủ về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Ngoài ra, bà T còn yêu cầu bồi thường các chi phí thiệt hại do đi khiếu nại gồm tiền vé tàu xe, đơn từ, hóa đơn bưu điện.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5862/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện BX không chấp nhận khiếu nại của bà T, giữ nguyên Quyết định 2093 của UBND huyện BX. Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ hai số 806/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện BX.

Ngày 15/01/2019, bà T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy 02 Quyết định giải quyết khiếu nại số 5862 của Chủ tịch UBND huyện BX và 806 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai, đồng thời buộc Ủy ban nhân dân huyện BX, tỉnh Lào Cai phải thực hiện việc thống kê, bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T theo quy định của pháp luật cụ thể là bồi thường, hỗ trợ các chính sách còn thiếu và diện tích 8000m² mỏ đồng tự ý lấy làm đập xả thải, sử dụng làm đường đi 1339m² chưa được thống kê bồi thường.

Tại phiên tòa ngày 09/9/2019, bà T khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00036 ngày 09/02/2007 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty Khoáng sản - TKV, địa chỉ: Số 562, đường NVC, phường GT, quận LB, thành phố HN; diện tích đất được cấp: 555.550m²; địa chỉ thửa đất tại: Bãi

TQ đuôi số 1, thôn BT, xã CM, huyện BX, tỉnh Lào Cai với lý do: Việc cấp Giấy khi chưa thực hiện việc giải phóng mặt bằng và chi trả xong tiền bồi thường.

2. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện BX và Chủ tịch UBND huyện BX ông Nguyễn Quang B trình bày ý kiến:

Thực hiện dự án Tổ hợp đồng SQ BX, Ủy ban nhân dân huyện BX đã thực hiện thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất của hộ gia đình bà Trần Thị T 02 lần như bà T đã trình bày.

Đối với hộ bà Trần Thị T năm 2008 đã được UBND xã CM xác nhận có tỷ lệ % mất đất nông nghiệp là 100% và được phê duyệt các khoản hỗ trợ theo quy định tại tiểu mục 3.1 và 3.3 khoản 3 Điều 28 Quyết định 68/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Lào Cai đối với tất cả 04 nhân khẩu. Do năm 2008, xác định hộ bà T đã bị thu hồi hết 100% đất nông nghiệp và đã được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho tất cả các nhân khẩu vào năm 2008. Vì vậy, đến năm 2009 khi thu hồi đất của bà T thì những người đã được hỗ trợ chuyển đổi đào tạo nghề không được hỗ trợ tiếp lần hai.

Đến năm 2014, bà T có đơn khiếu nại, sau khi giải quyết các nội dung khiếu nại, UBND huyện BX thấy năm 2009 hộ bà T bị thu hồi đất có tỷ lệ % mất đất nông nghiệp trên 30%, chưa được hỗ trợ theo quy định tại Điều 28 Quyết định 68 của UBND tỉnh nên đã ban hành Quyết định 2093/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 sửa đổi, bổ sung Quyết định 3098 phê duyệt, bổ sung các chính sách hỗ trợ đối với hộ bà T. Tuy nhiên, sau khi rà soát lại chế độ, chính sách hỗ trợ thấy rằng Quyết định 2093 có sai sót, vi phạm vào mục 3.3 Điều 28 Quyết định 68 của UBND tỉnh vì năm 2008 đã xác định thu hồi 100% đất nông nghiệp của hộ bà T và đã thực hiện hỗ trợ đầy đủ tiền chuyển đổi nghề. Mặt khác diện tích đất bị thu hồi năm 2009 của hộ bà T là do khai hoang, được công nhận quyền sử dụng đất. Theo điểm 3.3 Điều 28 của Quyết định 68 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai quy định khi bị thu hồi từ 30% đến 100% đất được giao thì mới được hỗ trợ chuyển đổi nghề. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 4 và Điều 7 Luật Đất đai năm 2003; căn cứ Điều 27, 28, 29 Nghị định 197/NĐ-CP; khoản 1 Điều 4, Điều 33 Luật Đất đai năm 2013 quy định thì gia đình bà T phải được nhà nước giao đất thì mới được nhà nước hỗ trợ theo khoản 3.3 Điều 28 Quyết định 68/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Do Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện BX phê duyệt bổ sung chính sách hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T là chưa phù hợp với Quyết định số 68/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Lào Cai. Vì

vậy, đến ngày 28/6/2019 UBND huyện BX ban hành Quyết định số 2323/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện BX để thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T theo Quyết định 3098. Vì đối tượng bị khiếu nại là Quyết định số 2093 đã bị hủy bỏ nên tại Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND huyện BX đã Quyết định hủy bỏ Quyết định số 5862/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện BX về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung: UBND huyện BX xác định trong diện tích đất bị thu hồi năm 2008, 2009 của hộ bà T có 4.005m² bị thu hồi năm 2009 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty khoáng sản TKV có số vào sổ T00036 ngày 09/02/2007 và diện tích đất này đã được UBND huyện BX thực hiện thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đầy đủ các chính sách.

Quan điểm giải quyết vụ án của Chủ tịch UBND huyện BX và UBND huyện BX: Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

3. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai và UBND tỉnh Lào Cai, ông Trịnh Xuân Tr trình bày quan điểm:

* Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại: Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn.

* Về nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại:

Do Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện BX không phù hợp với điểm 3.3 Điều 28 Quyết định số 68/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007. Vì vậy, ngày 28/6/2019 UBND huyện BX đã ban hành Quyết định số 2323/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2093 là đối tượng bị khiếu nại. Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019 hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại lần 02 số 806/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai.

Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà T đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T00036 ngày 09/02/2007 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty khoáng sản TKV: Tại Biên bản bàn giao đất ngày 28/12/2006 của các đơn vị; Biên bản làm việc ngày 26/3/2008 giữa UBND xã CM và Tổng công ty khoáng sản TKV đã thể hiện Tổng công ty khoáng sản TKV đã bồi thường, giải phóng xong mặt bằng gồm cả đất đai và tài sản trên đất đối với phần diện tích đã được cấp Giấy

chứng nhận. Vì vậy, UBND tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trao quyền sử dụng đất là đúng pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai và UBND tỉnh Lào Cai: Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty khoáng sản TKV trình bày: Chi nhánh Mỏ tuyển đồng SQ, LC - Vimico là đại diện chủ đầu tư tham gia công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo các Quyết định của UBND huyện BX. Đối với hộ gia đình bà Trần Thị T, Chi nhánh Mỏ tuyển đồng SQ, LC - Vimico đã thực hiện việc chi trả tiền theo Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 19/8/2008; Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 24/11/2009 của UBND huyện BX. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B1, ông Lê Văn C, bà Trần Thị N, bà Đỗ Thị Th: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 358 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/12/2019, người khởi kiện là bà Trần Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5862/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BX; Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 806/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00036 ngày 09/02/2007 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty Khoáng sản TKV và buộc Ủy ban nhân dân huyện BX phải thực hiện việc thống kê, bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất đối với hộ gia đình bà theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật và đơn kháng cáo của các đương sự là hợp lệ. Về nội dung: Đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà Trần Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, kết quả tranh tụng, thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của UBND tỉnh Lào Cai xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa xét xử vắng mặt người bị kiện.

- *Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:* Bà Trần Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5862/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BX; Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 806/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00036 ngày 09/02/2007 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty Khoáng sản TKV và buộc Ủy ban nhân dân huyện BX phải thực hiện việc thống kê, bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất đối với hộ gia đình bà theo quy định. Đây là các quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện theo quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về quyền khởi kiện:* Các quyết định hành chính và hành vi hành chính nêu trên ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên bà T có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 115 của Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 15/01/2019 và ngày 09/9/2019, bà T khởi kiện các quyết định hành chính và hành vi hành chính nêu trên là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của bà T về việc đề hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5862/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BX; Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 806/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 24/01/2009 của UBND huyện BX phê duyệt kinh phí đền bù cho hộ bà T. Sau đó, bà T có đơn khiếu nại. Tại Quyết

định số 2093/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện BX sửa đổi Quyết định 3098 ngày 24/01/2009 của UBND huyện BX phê duyệt bổ sung chính sách hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T. Do Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện BX phê duyệt bổ sung chính sách hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T là chưa phù hợp với Quyết định số 68/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Lào Cai. Vì vậy, đến ngày 28/6/2019 UBND huyện BX ban hành Quyết định số 2323/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện BX để thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T theo Quyết định 3098. Vì đối tượng bị khiếu nại là Quyết định số 2093 đã bị hủy bỏ nên tại Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND huyện BX quyết định hủy bỏ Quyết định số 5862/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện BX về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T.

Căn cứ Luật Khiếu nại 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ, có đủ căn cứ xác định Chủ tịch UBND huyện BX ban hành các quyết định là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính:

- Tại Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 24/01/2009 của UBND huyện BX phê duyệt kinh phí đền bù cho hộ bà T, có nội dung: Phê duyệt bồi thường diện tích đất của hộ bà T bị thu hồi là đất nương rẫy 4.005m² với số tiền bồi thường về đất là 40.050.000đ, cây cối là 3.250.000đ, tổng cộng là 43.000.000đ và không phê duyệt hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề.

UBND huyện BX đã tiến hành kê khai, kiểm kê đất đai, tài sản trên đất và xác định nguồn gốc đất đai có sự tham gia của hộ bà T, bà T đều nhất trí với các số liệu này. Căn cứ vào số liệu kê khai, kiểm kê, UBND huyện BX đã ban hành Quyết định số 1672 và 3098 thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định đối với hộ bà T.

Vào thời điểm thu hồi đất năm 2008 UBND xã CM xác nhận hộ bà Trần Thị T có 04 nhân khẩu đang trong độ tuổi lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp, bà T nhất trí việc xác định số nhân khẩu và xác nhận tỷ lệ % mất đất nông nghiệp là 100%. Do vậy, tại Quyết định 1672, UBND huyện BX đã phê duyệt hỗ trợ đối với hộ gia đình có tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp là 100% cụ thể như sau: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với 04 nhân khẩu là 3.200.000 đồng theo điểm 3.1 khoản 3 Điều 28 của Quyết định 68 và hỗ trợ đào tạo nghề đối với 04

nhân khẩu là: 10.800.000 đồng theo khoản 3.3 khoản 3 Điều 28 của Quyết định 68. Tổng số là 14.000.000đ.

Như vậy, trong cùng một dự án, vào năm 2008 hộ bà T đã được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo nghề trong trường hợp tỷ lệ mất đất nông nghiệp là 100% theo quy định tại khoản 3.1 và khoản 3.3 Điều 28 Quyết định số 68 của UBND tỉnh Lào Cai, tất cả các thành viên trong độ tuổi lao động trong hộ khẩu (04 nhân khẩu) đều đã được hỗ trợ. Do đó, năm 2009, tại Quyết định 3098, UBND huyện BX không phê duyệt hỗ trợ, ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo nghề nữa thì quyền và lợi ích của hộ bà T vẫn được đảm bảo, vì theo quy định của Nghị định 197 của Chính phủ, Quyết định 68 của UBND tỉnh Lào Cai thì khoản tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề được tính bằng một khoản tiền cụ thể (2.700.000 đồng) nhân với số nhân khẩu nên mặc dù UBND huyện BX thu hồi đất 02 lần nhưng phê duyệt bồi thường, hỗ trợ 01 lần vào năm 2008 cho tất cả các nhân khẩu của hộ bà T đã là mức hỗ trợ tối đa. Ngoài ra, thực tế qua 02 lần thu hồi đất nông nghiệp, hộ bà T vẫn còn khoảng 1.700m^2 (Biên bản làm việc ngày 13/10/2017 xác định tỷ lệ mất đất năm 2009). Như vậy, UBND huyện BX đã phê duyệt kinh phí đền bù theo Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 24/01/2009 mặc dù có sai sót về trình tự, thủ tục ban hành nhưng nội dung đảm bảo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của hộ bà T theo quy định của Quyết định 68 của UBND tỉnh Lào Cai.

- Tại Quyết định 2093/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện BX sửa đổi, bổ sung Quyết định 3098 đã bổ sung chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp đối với hộ bà T bao gồm: Tiền hỗ trợ ổn định đời sống theo khoản 3.1 Điều 28 của Quyết định số 68 đối với 02 nhân khẩu số tiền 1.600.000đ; tiền hỗ trợ đào tạo nghề theo khoản 3.1 Điều 28 của Quyết định số 68 đối với 02 nhân khẩu số tiền là 5.400.000đ; tiền trả chậm là 9.436.000đ; tổng số tiền là 16.436.000đ.

Do Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện BX phê duyệt bổ sung chính sách hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị T là chưa phù hợp với Quyết định số 68/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Lào Cai. Vì vậy, đến ngày 28/6/2019 UBND huyện BX ban hành Quyết định số 2323/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện BX. Do Quyết định số 2093 bị hủy bỏ nên tại Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND huyện BX hủy bỏ Quyết định số 5862/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện BX về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T.

Như vậy, đối tượng khởi kiện là Quyết định số 2093/QĐ-UBND và Quyết định số 5862/QĐ-UBND đã bị hủy bỏ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự

đều xác nhận UBND không ban hành quyết định nào khác. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của bà T.

Sau khi xét xử, Tổng công ty khoáng sản TKV hỗ trợ cho gia đình bà T (theo Biên bản làm việc ngày 15/7/2020) và bà T đã nhận khoản tiền này. Như vậy, đã có lợi cho hộ bà T, quyền lợi được đảm bảo.

[3]. Đối với kháng cáo yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ T00036 ngày 09/02/2007, số phát hành AĐ 927 539 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty Khoáng sản TKV:

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xác định:

Diện tích đất do gia đình bà T tự xác định là đất của mình có diện tích 9.202,7m² gồm 5.423m² đất hộ gia đình bà T đang trồng cây xoài, chuối; phần diện tích đất còn lại 3.779,7m² hiện trạng tổng công ty khoáng sản TKV đã đổ đất đá.

Theo sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thể hiện toàn bộ diện tích đất nêu trên nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AĐ 927 539 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty khoáng sản TKV ngày 09/02/2007 số vào sổ T00036.

Mặt khác, tại Báo cáo số 07/BC-UBND ngày 23/01/2019 của UBND xã CM về việc lấy ý kiến nhân dân xác định hộ bà T canh tác sau năm 2010 (sau thời điểm cấp Giấy chứng nhận). Hộ bà Trần Thị T cũng không đưa ra được giấy tờ pháp lý thể hiện việc sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất nêu trên.

Đối với diện tích đất 5.905m² thu hồi của hộ bà Trần Thị T năm 2008 theo giải trình của UBND huyện BX không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ T00036 ngày 09/02/2007 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty Khoáng sản TKV.

Đối với diện tích đất 4.005m² thu hồi của hộ bà Trần Thị T năm 2009 theo giải trình của UBND huyện BX có nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ T00036 ngày 09/02/2007 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty Khoáng sản TKV. Tuy nhiên, UBND huyện BX đã thực hiện thống kê, đền bù cho hộ bà T tại Quyết định số 3098 là đúng pháp luật. Do vậy không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T.

Đối với Thông báo số 31 ngày 05/02/2002 của UBND huyện BX thu hồi diện tích 601m² đất đối với hộ bà Trần Thị T và một số diện tích khác theo đơn khởi kiện. Tại biên bản xem xét thẩm định không xác định được hiện trạng nên không xem xét thẩm định được.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ T00036 ngày 09/02/2007 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty Khoáng sản TKV là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà T là đúng.

[4]. Đối với kháng cáo yêu cầu buộc UBND huyện BX phải thu hồi đất, thống kê, bồi thường, hỗ trợ theo quy định:

Căn cứ vào biên bản kiểm đếm năm 2009, UBND huyện BX phê duyệt bổ sung 05m² (từ 4005m² lên 4010m²) tại Quyết định 3778/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 với số tiền 130.000đ đối với hộ bà T là đúng pháp luật.

Đối với diện tích đất 3.779,7m² (theo biên bản thẩm định) chi nhánh mỏ đồng SQ đã san gạt, nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Tổng công ty khoáng sản TKV, đây là diện tích bà T và chi nhánh mỏ đồng có thỏa thuận hỗ trợ về hoa mầu cho bà T để thi công đập bảo vệ công trình vào mùa mưa lũ vào năm 2018. Tuy nhiên, UBND huyện BX chưa thực hiện việc thu hồi đất. Do vậy, nếu có tranh chấp bà T có thể khởi kiện Tổng công ty khoáng sản TKV trong vụ án khác.

Đối với diện tích đất 5.423m² (theo biên bản thẩm định) bà T đang sử dụng, nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Tổng công ty khoáng sản TKV. Diện tích này, UBND huyện BX chưa thực hiện việc thu hồi. Vì vậy, bà T yêu cầu Ủy ban phải thực hiện việc thu hồi, thống kê, bồi thường đối với diện tích đất này là không có căn cứ.

Về diện tích 601m² theo Thông báo số 31 ngày 05/02/2002 của UBND huyện BX đối với hộ bà Trần Thị T. UBND huyện BX cho rằng Thông báo số 31 chỉ mang tính chất thông báo sau khi hộ bà T có đơn kê khai, tuy nhiên khi tiến hành kiểm tra xác định thực tế hộ bà T không có diện tích đất nêu trên nên không tiến hành bồi thường. UBND huyện bồi thường căn cứ vào số liệu đo đạc thực tế chứ không căn cứ vào thông báo. Nội dung này đã được kết luận trong Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1570/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của UBND tỉnh Lào Cai (đã có hiệu lực pháp luật). Xét thấy, đối với diện tích này, bà T không có bản kê khai diện tích đất có xác nhận của chính quyền địa phương, không đăng ký kê khai với cơ quan có thẩm quyền, nên UBND huyện BX không tiến hành thu hồi đất, bồi thường đối với hộ bà T là đúng.

Bà T cho rằng còn một số diện tích đất của gia đình đã bị mỏ đồng làm ngập tại khu vực đập thải chưa được bồi thường khoảng 8.000m². Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định được nên không xác định được vị trí thửa đất. Diện tích này, bà T không cung cấp được giấy tờ pháp lý về nguồn gốc sử dụng đất. Mặt khác, hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng do UBND huyện BX cung cấp chỉ có hồ sơ thu hồi đất đối với hộ bà T năm 2008 và 2009. Do vậy,

không có căn cứ buộc UBND huyện BX phải thực hiện việc thu hồi, thống kê, bồi thường.

[5]. Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị T đề nghị Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5862/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BX; Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 806/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00036 ngày 09/02/2007 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty Khoáng sản TKV và buộc Ủy ban nhân dân huyện BX phải thực hiện việc thống kê, bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất đối với hộ gia đình bà theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T nhưng không nêu rõ yêu cầu cụ thể, khó khăn trong thi hành bản án. Tuy nhiên, sai sót không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sửa về kỹ thuật để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T không đưa ra được chứng cứ mới. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T nhưng sửa phần kỹ thuật tại phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đề nghị Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5862/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BX; Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 806/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00036 ngày 09/02/2007 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Tổng công ty Khoáng sản - TKV và buộc Ủy ban nhân dân huyện BX phải thực hiện việc thống kê, bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất đối với hộ gia đình bà theo quy định.

- Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ khoản tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2012/0001477 ngày 17/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam **Phan Thị Vân Hương** **Nguyễn Văn Cường**